TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2024/HS-ST
Ngày: 15-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Hoan và ông Ngô Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bùi Thị Thùy Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 158/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024, đối với:

1. Bị cáo NGUYỄN VĂN Đ ngày 18/8/1994; quê quán: xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 6/12; căn cước công dân số 015094009659; con ông Nguyễn Văn S1 sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị G sinh năm 1971; đều trú tại xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; bị cáo có vợ là Vũ Thị N sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có 01 con sinh năm 2020.

- Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/8/2024, đến ngày 29/8/2024 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. *(Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa)*

2. Bị cáo ĐINH VĂN Q sinh ngày 03/5/1988; quê quán: xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn D, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi ở hiện nay: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 5/12; căn cước công dân số 015088007614; con ông Đinh Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1 sinh năm 1952; tại xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; bị cáo có vợ là Phạm Thị Thanh S2 năm 1995, trú tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2023.

- Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/8/2024, đến ngày 29/8/2024 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. *(Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa)*

* *Bị hại*: Chị Vũ Thị N2 sinh năm 1988; trú tại: số nhà D K, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ là công nhân xây dựng, đang làm tại công trường xây dựng của Công ty TNHH L (sau đây viết tắt là Công ty L1), địa chỉ: Lô D, Khu công nghiệp L, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Trưa ngày 18/7/2024, được nghỉ làm, Đ đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 15H1-080.31 của mình đến nhà Đinh Văn Q là em họ của Đ. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Đ rủ Q đến quán B ở thôn T, xã T, huyện T gần công trường xây dựng của Công ty L1 chơi. Khi đến quán B, Q ngồi uống nước ở quán, Đ đi xe mô tô đến công trường xây dựng đón anh Hà Văn T sinh năm 1992, trú tại thôn D, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái là bạn làm cùng ở công trường đến quán chơi bi-a; khi vào đón anh T thì Q nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đen - đỏ, biển kiểm soát 15N1-174.62 của chị Vũ Thị N2 để trong lán xe, phía bên trái, gần cổng ra vào của công trường nhưng vẫn cắmchìa khóa ở ổ khóa điện.

Đ chở T đến quán B-a từ 15 giờ; đến khoảng 18 giờ cùng ngày, do Q không biết chơi, ngồi xem, thấy chán nên bảo đi về. Đ gọi Q vào nhà vệ sinh của quán B-a nói: "Mày qua công bảo vệ công trường xây dựng Công ty L1, nhìn bên trái có chiếc xe biển 15, chìa khóa cắm quên ở đây, lấy đi về trước, tao còn chơi". Q nói: "Em sợ lắm, em không lấy đâu". Đ nói: "Mày sợ thì để tao dong xe ra cho mày đi". Sau đó Q đi xe mô tô của Đ, chở Đ đến cổng Công ty L1. Q điều khiển xe đi chậm, chờ ở ngoài. Độ xuống xe, đi bộ qua cổng bảo vệ, đến lán để xe của công nhân, thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 15N1-174.62 của chị N2 vẫn để ở vị trí cũ, chìa khóa xe vẫn cắm trong ổ khóa điện, khu vực lán để xe vắng người, việc để xe ở trong lán không có vé (Độ mặc đồ công nhân của công trường). Độ bật chìa khóa xe, đề khởi động máy, dắt chiếc xe qua cổng để ra ngoài đường rồi điều khiển đi vượt qua Q. Q nhìn thấy, điều khiển xe mô tô của Độ theo sau, được một đoạn thì Đ và Q đổi xe cho nhau. Đ điều khiển xe mô tô của Đ đến quán B chơi tiếp, còn Q điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi về nhà. Q mở cốp xe thấy bên trong có Giấy đăng ký xe mô tô mang tên chị Vũ Thị N2 thì điện cho Đ biết. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Đ đi xe mô tô của Đ đến nhà Q. Sáng ngày 19/7/2024, Đ bán xe mô tô của Đ cho cửa hàng mua bán xe cũ ở huyện Q, sau đó Đ sử dụng xe mô tô trộm cắp được làm phương tiện đi lại. Đến ngày 20/8/2024, Đ và Q đến Công an huyện T đầu thú về hành vi phạm tội nêu trên.

Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 21/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: “01 (một) xe mô tô nhãn hiệu

Honda Wave RSX , màu sơn đen-đỏ, gắn biển kiểm soát 15N1-17462 (xe đã qua sử dụng, mua năm 2007), trị giá 7.133.000 đồng"

Cáo trạng số 161/CT-VKSTT ngày 28/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đinh Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa;

- Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đinh Văn Q không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đinh Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản";

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 đến 12 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Văn Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa không có sự thay đổi so với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; các bị cáo đã thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo là đúng; lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, gồm: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T lập ngày 20/8/2024; Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung các bị can; Biên bản ghi lời khai của bị hại là chị Vũ Thị N2, sinh năm 1988,

trú tại Cụm F, Tổ dân phố K, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T lập ngày 20/8/2024, tại lán để xe của Công ty L1, địa chỉ: Lô D, Khu công nghiệp L, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 21/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn để kết luận:

Khoảng 18 giờ ngày 18/7/2024, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Nguyễn Văn Đ và Đinh Văn Q đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đen - đỏ, biển kiểm soát 15N1-174.62, trị giá 7.133.000 đồng của chị Vũ Thị N2, sinh năm 1988, trú tại Cụm F, Tổ dân phố K, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng để tại lán để xe công trường xây dựng của Công ty L1, địa chỉ: Lô D, Khu công nghiệp L, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, mục đích để làm phương tiện đi lại. Bị cáo Đ là người khởi xướng và thực hành, bị cáo Q đồng phạm, giúp sức.

[4] Điều 173 Bộ luật Hình sự quy đình về tội "Trộm cắp tài sản" như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[5] Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội nhưng vì lòng tham, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[6] Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đinh Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố.

[7] Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đinh Văn Q là người có nhân thân tốt, đây là lần đầu các bị cáo vi phạm pháp luật và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn; các bị cáo đã đầu thú và giao lại tài sản mà các bị cáo trộm cắp đã được cơ quan điều tra quản lý và trả lại cho bị hại; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy, phải áp dụng

hình phạt tù đối với bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình là phù hợp, vừa thể hiện được tính nghiêm minh nhưng cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị N2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm gì khác nên không đặt ra giải quyết.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đinh Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đinh Văn Q phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/8/2024; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Văn Q 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 20/8/2024; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đinh Văn Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đinh Văn Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/11/2024, chị Vũ Thị N2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Thái Thụy;
- NTG Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan THAHS CA huyện Thái Thụy
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, HCTP.

Nguyễn Thị Lan Anh